TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÙ GIA MẬP
TỈNH BÌNH PHƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 29/2021/DS
Ngày 02/7/2021
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÙ GIA MẬP, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Tấn Lãm

2. Ông Phạm Văn Hòa

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Anh Đào – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập tham gia phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Quỳnh – Kiểm sát viên

Ngày 02 tháng 7 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số 24/2020/TLST-DS ngày 10/12/2020 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2021/QĐXXST-DS ngày 26 tháng 5 năm 2021, giữa các đương sự:

* *Nguyên đơn*: Ngân hàng thương mại cổ phần N (viết tắt: Ngân hàng N)

Địa chỉ: phường A, quận B, thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Nguyễn Quốc K, sinh năm 1996 và ông Nguyễn Phan Chính N, sinh năm 1995 (Có đơn xin xét xử vắng mặt)

Cùng địa chỉ liên hệ: phường N, quận I, thành phố Hồ Chí Minh.

Theo giấy ủy quyền số 397 ngày 11/11/2020

* *Bị đơn*: Ông Nguyễn Quang H, sinh năm 1977 và bà Hoàng Thị Đ, sinh năm 1980 (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Thôn Z, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. Theo đơn khởi kiện đề ngày 12 tháng 11 năm 2020 nguyên đơn trình bày:

Vào ngày 20/5/2019 Ngân hàng N có cho ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ vay vốn ngân hàng theo hợp đồng tín dụng từng lần số 1292/2019/701-CV như sau:

+ Số tiền vay: 500.000.000 đồng

+ Thời gian vay: 12 tháng

+ Lãi suất trong hạn: 11,75%/năm, quá hạn: 17,63%/năm, thay đổi 3 tháng/lần

+ Mục đích vay: Bổ sung vốn chăm sóc vườn và chăn nuôi bò.

Ngày 24/5/2019 ngân hàng đã giải ngân cho ông H, bà Đ số tiền 500.000.000 đồng.

+ Tài sản thế chấp:

- Quyền sử dụng đất diện tích 3368,6m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH001390/CMOI-LP; thửa số 210, tờ bản đồ số 13; do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H;

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 6452,7m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số CH001389/CMOI-LP, thửa số 171, tờ bản đồ số 13; do Ủy ban nhân dân huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H.

Từ khi vay đến nay ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ đã trả tiền lãi suất đến ngày 23/01/2020. Còn lại từ ngày 24/01/2020 đến nay thì chưa trả được cho ngân hàng trả số tiền nợ gốc và số tiền lãi suất nào.

Nay đã quá hạn trả nợ nhưng ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ chưa trả tiền cho Ngân hàng N, do ông H, bà Đ vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng N khởi kiện yêu cầu ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và số tiền lãi suất tính từ ngày 24/02/2020 đến ngày 02/7/2021 là 119.332.055 đồng.

Nếu ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ không trả được nợ cho Ngân hàng N thì yêu cầu Tòa án xử lý tài sản đảm bảo theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0982/2018/701-BĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 để thu hồi nợ .

Ngoài ra không yêu cầu gì thêm!

2. Bị đơn ông Nguyễn Quang H và Bà Hoàng Thị Đ tại biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải trình bày:

Về nội dung vay vốn, thế chấp tài sản ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ đồng ý như phần trình bày của người đại diện theo ủy quyền của ngân hàng N và không bổ sung gì. Ông H, bà Đ xác nhận là hiện nay còn nợ Ngân hàng N số tiền vay gốc 500.000.000 đồng và lãi suất. Tài sản thế chấp theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0982/2018/701-BĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 thì có hai tài sản đảm bảo gồm:

- Quyền sử dụng đất diện tích 3368,6m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001390/CMOI-LP; thửa số 210, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H;

- Quyền sử dụng đất diện tích đất 6452,7m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001389/CMOI-LP, thửa số 171, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H.

Nay ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà Đ về việc trả số tiền gốc 500.000.000 đồng và lãi suất thì ông H, bà Đ không đồng ý vì vào khoảng tháng 02 năm 2020 ông H, bà Đ đã bàn giao tài sản đảm bảo cho ngân hàng, để nghị ngân hàng xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ cho ngân hàng, mặt khác đối với các khoản phí tại Tòa án thì ông H, bà Đ không đồng ý chịu.

Ngoài ra ông H, bà Đ không trình bày gì thêm.

Ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Bù Gia Mập:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ theo đúng theo quy định tại các điều 26, 35, 39, 68, 93, 94, 95, 96, 97, 203, 205, 208, 209, 220 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 26, 35, 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 463, 466, 468 của Bộ luật dân sự chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn đơn buộc bị đơn ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng và lãi suất trong hạn, quá hạn theo luật định.

Về tài sản thế chấp: Trong trường hợp Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ không trả được nợ thì Ngân hàng được quyền yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền: Đây là vụ án tranh chấp dân sự về hợp đồng tín dụng do nguyên đơn Ngân hàng N thực hiện quyền khởi kiện. Vì bị đơn ông Nguyễn Quang H, bà Hoàng Thị Đ cư trú tại thôn Z, xã B, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước theo quy định tại khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về thủ tục xét xử vắng mặt: Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Phan Chính N có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Quang H, bà Hoàng Thị Đ đã được Tòa án triệu vắng mặt hợp lệ. Bị đơn ông Nguyễn Quang H, bà Hoàng Thị Đ đã được tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, thông báo Quyết định hoãn phiên tòa để tham gia phiên tòa nhưng vẫn vắng mặt mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015, Tòa án nhân dân huyện Bù Gia Mập tiến hành xét xử vắng mặt ông Nguyễn Quốc K, ông Nguyễn Phan Chính N, ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ.

[3]. Về yêu cầu của nguyên đơn:

* Về số tiền nợ gốc:

Căn cứ vào hợp đồng tín dụng từng lần số 1292/2019/701-CV ngày 20/5/2019 thể hiện ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ vay của Ngân hàng N với số tiền 500.000.000 đồng, thời gian vay: 12 tháng, lãi suất: 11,75%/năm, thay đổi 3 lần/tháng, mục đích vay: Bổ sung vốn chăm sóc vườn và chăn nuôi bò. Xét thấy, việc ký hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng N và ông H, bà Đ là tự nguyện, có điều khoản rõ ràng, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp quy định tại tại Điều 117, Điều 119 của Bộ luật dân sự 2015, Điều 90 của Luật các tổ chức tín dụng và không trái đạo đức xã hội nên có hiệu lực pháp luật. Các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng, nếu một trong các bên vi phạm thì phải chịu chế tài.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Ngân hàng N đã giải ngân số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) cho ông H, bà Đ, tuy nhiên khi đến hạn trả nợ ngày 24/5/2020 thì ông H, bà Đ đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ gốc và lãi cho Ngân hàng. Điều này được chứng minh qua Hợp đồng tín dụng từng lần, giấy nhận nợ, bảng kê tính lãi và qua sự thừa nhận của ông H, bà Đ

trong quá trình giải quyết vụ án. Vì vậy, yêu cầu khởi kiện của ngân hàng buộc ông Nguyễn Quang H, bà Hoàng Thị Đ trả số tiền nợ gốc 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng) là có đủ căn cứ nên được chấp nhận.

* Về tiền lãi suất: Ngân hàng yêu cầu ông H, bà Đ trả số tiền lãi suất tính từ theo mức lãi suất như sau:

Lãi trong hạn tính từ ngày 24/01/2020 đến ngày 24/5/2020 là: 500.000.000 đồng x 121 ngày x 11,75%/năm = 19.403.287 đồng.

Lãi quá hạn tính từ ngày 25/02/2020 đến ngày 02/7/2021 là: 500.000.000 đồng x 403 ngày x 17,63%/năm = 97.299.658 đồng.

Lãi chậm trả tính từ ngày 24/02/2020 đến ngày 02/7/2021 là: 500.000.000 đồng x 494 x 10%/năm = 2,387,672 đồng.

Xét thấy, mức lãi suất mà ngân hàng yêu cầu: 11,75%/năm, lãi suất quá hạn 17,63%/năm thay đổi 3 lần/tháng mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng là hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 468 của Bộ luật dân sự 2015 và Điều 91 của Luật các tổ chức tín dụng và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao nên được chấp nhận và buộc ông H, bà Đ phải có nghĩa vụ trả tiền lãi suất cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 02/7/2021 là 119.332.055 đồng

* Về yêu cầu xử lý tài sản đảm bảo: Căn cứ hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất đảm bảo vay vốn số 0982/2018/701-BĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 thể hiện: Để đảm bảo khoản vay vốn 500.000.000 đồng thì ông H, bà Đ có thế chấp cho Ngân hàng N quyền sử dụng đất là: Diện tích đất 3368,6m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001390/CMOI-LP; thửa số 210, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H và diện tích đất 6452,7m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001389/CMOI-LP, thửa số 171, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H. Tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ thể hiện tài sản thế chấp vẫn giữ nguyên hiện trạng từ khi ký hợp đồng thế chấp tài sản đến nay không có thay đổi gì, hiện vẫn do ông H, bà Đ đang trực tiếp quản lý, sử dụng. Xét thấy, hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 0982/2018/701-BĐ ngày 22 tháng 8 năm 2018 đảm bảo vay vốn số là tự nguyện, đúng chủ thể, được công chứng và tài sản thế chấp được đăng ký bảo đảm tại Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện Bù Gia Mập. Hợp đồng có mục đích, nội dung và hình thức phù hợp với quy định tại các Điều 293, 295, 298, 318, 319, 500, 502 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 3 Điều 167, Điều 188

của luật đất đai năm 2013 và không trái đạo đức xã hội. Vì vậy, hợp đồng thế chấp tài sản có hiệu lực từ thời điểm đăng ký thế chấp, các bên phải thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo nội dung đã thỏa thuận trong hợp đồng. Do đó, trong trường hợp ông H, bà Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo là quyền sử dụng đất diện tích đất 3368,6m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001390/CMOI-LP; thửa số 210, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H và diện tích đất 6452,7m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001389/CMOI-LP, thửa số 171, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H.

[4]. Về số tiền chi phí xem xét thẩm định là 3.000.000 đồng, ông H, bà Đ phải chịu. Do Ngân hàng N đã tạm ứng số tiền chi phí trên nên cần buộc ông H, bà Đ có nghĩa vụ trả lại số tiền này cho Ngân hàng N

[5]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ phải nộp theo quy định

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 147; Điều 157; Điều 158; khoản 2 Điều 227; Điều 266 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Các Điều 117, 119; 293, 295, 298, 318, 319, 468, 500, 502 của Bộ luật dân sự 2015

- Khoản 3 Điều 167, Điều 188 của luật đất đai năm 2013

- Các Điều 90, 91, 95 của Luật các tổ chức tín dụng

- Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao

- Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần N.

Buộc ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng thương mại cổ phần N số tiền nợ gốc 500.000.000đ *(Năm trăm triệu đồng)* và số tiền lãi suất là 119,090,617 đồng *(Một trăm mười chín triệu không trăm chín mươi nghìn sáu trăm mười bảy đồng)*

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ còn phải tiếp tục chịu tiền lãi suất quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà hai bên đã thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Trường hợp ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N được quyền yêu cầu Cơ quan Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ gồm: diện tích đất 3368,6m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001390/CMOI-LP; thửa số 210, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H và diện tích đất 6452,7m^2 tọa lạc tại thôn I, xã Đ, huyện B, tỉnh Bình Phước, đất đã được cấp giấy CNQSDĐ số CH001389/CMOI-LP, thửa số 171, tờ bản đồ số 13; do UBND huyện Bù Gia Mập cấp cho hộ ông Nguyễn Quang H.

2. Về chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ: là 3.000.000đ *(Ba triệu đồng),* ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ phải chịu và có nghĩa vụ hoàn trả số tiền này cho Ngân hàng N

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

Bị đơn ông Nguyễn Quang H và bà Hoàng Thị Đ phải nộp số tiền 28,763,000 đồng *(Hai mươi tám triệu bảy trăm sáu mươi ba nghìn đồng)*

Trả lại cho Ngân hàng N số tiền tạm ứng án phí 13.177.000 đồng *(Mười ba triệu một trăm bảy mươi bảy nghìn đồng)* đã nộp theo biên lai thu tiền số 0007520 ngày 09/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bù Gia Mập, tỉnh Bình Phước

4. Về quyền kháng cáo, kháng nghị:

Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- *VKSND H. Bù Gia Mập;*
- *TAND, VKSND tỉnh Bình Phước;*
- *Chi cục THADS H. Bù Gia Mập;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(đã ký)

NGUYỄN THỊ TUYẾT